

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HS-ST
Ngày 01/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Mốt;

Bà Nguyễn Thị Hoàng Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị K, sinh ngày 02-3-1957 tại huyện L, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc V và bà Vũ Thị N (Đều đã chết); chồng: Lê Thanh H (đã ly hôn); con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Nguyễn Thị K bị tạm giam từ ngày 03-7-2018 đến nay – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Đình T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Phường A, thị xã L, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25-3-2004, tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bị cáo Nguyễn Thị K đã đưa 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền thật cho Dương Đình T sang Trung Quốc mua tiền giả đem về Việt Nam cho Nguyễn Thị

K để tiêu thụ. Đến 14 giờ 30 phút ngày 26-3-2004, khi Dương Đình T đang trên đường vận chuyển 18.400.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền giả từ Trung Quốc về Việt Nam thì bị Tổ cơ động Trạm kiểm soát Biên phòng Cốc Nam, Đồn Biên phòng 59 phát hiện và bắt quả tang. Qua đấu tranh, Dương Đình T khai số tiền giả trên, Dương Đình T vận chuyển cho Nguyễn Thị K (là dì ruột của vợ T). Trước đó, bị cáo Nguyễn Thị K có 01 lần tự sang Trung Quốc dùng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền thật để mua 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền giả; 01 lần cùng Dương Đình T sang Trung Quốc dùng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền thật để mua 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền giả và 01 lần đưa 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền thật cho Dương Đình T sang Trung Quốc mua 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền giả mang về cho Nguyễn Thị K để tiêu thụ.

Tại bản Kết luận giám định số 38/GĐ-PC21 ngày 29-3-2004 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Toàn bộ 09 thếp tiền = 18.400.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng) loại polyme, mệnh giá 20.000 đồng/01 tờ và 100.000 đồng/01 tờ thu giữ của Dương Đình T qua giám định đều là tiền Việt Nam giả.

Ngày 31-3-2004, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định khởi tố đối với Dương Đình T về tội Vận chuyển tiền giả.

Căn cứ vào Biên bản phạm tội quả tang và lời khai của Dương Đình T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Ngày 16-4-2004 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố đối với Nguyễn Thị K về Tội vận chuyển, lưu hành tiền giả. Do Nguyễn Thị K bỏ trốn, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định truy nã.

Ngày 03-7-2018, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã bắt được Nguyễn Thị K.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị K khai nhận: Tháng 10-2003, Nguyễn Thị K mang chè Thái Nguyên từ tỉnh Thái Nguyên đến chợ B, tỉnh Lạng Sơn bán. Khi Nguyễn Thị K ăn cơm tại một quán cơm gần chợ B có một người đàn ông hỏi mua 02 kg chè. Qua trao đổi, người đàn ông này giới thiệu tên là Dìn, người Việt gốc Hoa, nhà ở Lũng Vải, Trung Quốc; Dìn nói có tiền Việt Nam giả bán với tỉ giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền thật mua được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền giả loại mệnh giá 100.000 đồng/01 tờ, Dìn bảo Nguyễn Thị K nếu ở Việt Nam tiêu thụ được và có nhu cầu mua tiền giả về tiêu thụ thì sang Trung Quốc, Dìn sẽ bán cho. Nguyễn Thị K đồng ý và cùng Dìn theo đường mòn D, thuộc xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn sang nhà Dìn. Tại nhà Dìn, Dìn hỏi Nguyễn Thị K số lượng tiền giả cần mua, Nguyễn Thị K nói chỉ có 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền thật và đưa cho Dìn. Nhận tiền thật với Nguyễn Thị K xong, Dìn đi ra ngoài. Một lúc sau quay lại đưa cho Nguyễn Thị K 03 thếp tiền giả loại mệnh giá 100.000 đồng /01 tờ và nói đủ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Nguyễn Thị K mang số tiền giả này về Thái Nguyên và đem đi tiêu thụ hết tại các chợ trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bằng cách mua hàng tạp hóa giá trị thấp để được bù lại tiền thật.

Ngày 27-12-2003, do muốn tiếp tục mua tiền giả về tiêu thụ nhưng đi một mình sợ bị cướp nên Nguyễn Thị K đã rủ Dương Đình T (là cháu rể của Nguyễn Thị K) cùng sang Trung Quốc mua tiền giả. Sáng ngày 28-12-2003, Nguyễn Thị K đưa Dương Đình T sang nhà Dìn tại Lũng Vài, Trung Quốc. Nguyễn Thị K giới thiệu cho Dìn biết Dương Đình T là cháu rể, nếu lần sau Nguyễn Thị K không sang để mua tiền giả được thì Dương Đình T sẽ đi lấy tiền giả hộ. Lần này Nguyễn Thị K mua với Dìn 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền giả mệnh giá 100.000 đồng /01 tờ với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền thật. Mua tiền giả với Dìn xong Nguyễn Thị K và Dương Đình T về Việt Nam. Số tiền giả mua được lần này, Nguyễn Thị K tự mình mang đi tiêu thụ hết bằng cách mua hàng tạp hóa tại các chợ trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 07-02-2004, Nguyễn Thị K lại đến nhà bảo Dương Đình T đi sang Trung Quốc mua tiền giả giúp. Dương Đình T đồng ý. Nguyễn Thị K đưa cho Dương Đình T 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) để đi mua tiền giả. Ngày 08-02-2004, Dương Đình T một mình sang Trung Quốc mua với Dìn được 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền giả mệnh giá 100.000 đồng/01 tờ. Dương Đình T mang toàn bộ số tiền giả mua được về đưa cho Nguyễn Thị K. Sau đó Nguyễn Thị K mang đi tiêu thụ tại các chợ trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chiều 25-03-2004, Nguyễn Thị K tiếp tục đến nhà Dương Đình T sang Trung Quốc gặp Dìn để mua tiền giả cho Nguyễn Thị K. Dương Đình T đồng ý. Nguyễn Thị K đưa cho Dương Đình T 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền thật để đi mua tiền giả nhưng không nói số lượng tiền giả cần mua. Ngày 26-3-2004, Dương Đình T sang Trung Quốc mua với Dìn được 18.400.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền giả; khi Dương Đình T đang trên đường vận chuyển số tiền giả trên về đến địa phận xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì bị phát hiện và bắt quả tang.

Do mấy ngày sau không thấy Dương Đình T mang tiền giả về, nghĩ Dương Đình T đã bị bắt nên Nguyễn Thị K đã sang tỉnh Giang Tô, Trung Quốc để trốn. Đến ngày 03-7-2018, Nguyễn Thị K về Việt Nam thì bị Cơ quan An ninh điều tra bắt giữ.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản Cáo trạng số: 70/CT-VKS-P3 ngày 02 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị K về Tội vận chuyển, lưu hành tiền giả theo khoản 2 Điều 180 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã quy kết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị K. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội Vận chuyển, lưu hành tiền giả.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K mức án từ 06 năm đến 07 năm tù giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị K.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị K có ý kiến đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân. Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã tự khai báo ra hành vi trước đó và hiện tuổi cao, bệnh tật sức khỏe yếu nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng qui định của pháp luật.

[2] Về lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định:

[3] Ngày 25-3-2004, tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bị cáo Nguyễn Thị K đã đưa 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam thật cho Dương Đình T là cháu rể sang Trung Quốc mua tiền Việt Nam giả đem về Việt Nam cho K để tiêu thụ. Đến 14 giờ 30 phút ngày 26-3-2004, khi Dương Đình T đang trên đường vận chuyển 18.400.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam giả từ Trung Quốc về Việt Nam thì bị Tổ cơ động Trạm kiểm soát Biên phòng Cốc Nam, Đồn Biên phòng 59 phát hiện và bắt quả tang. Qua đấu tranh, Dương Đình T khai số tiền giả trên, Dương Đình T sang Trung Quốc mua và vận chuyển về Việt Nam cho Nguyễn Thị K (là dì ruột của vợ Tuyền). Trước đó, bị cáo Nguyễn Thị K còn có 01 lần tự sang Trung Quốc dùng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền Việt Nam thật để mua 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền Việt Nam giả; 01 lần cùng Dương Đình T sang Trung Quốc dùng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền thật để mua 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền giả và 01 lần đưa 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền thật cho Dương Đình T sang Trung Quốc để

mua 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền giả mang về cho Nguyễn Thị K để tiêu thụ. Tổng cộng ngoài lần bị bắt giữ bị cáo Nguyễn Thị K đã tiêu thụ trót lọt 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) tiền Việt Nam giả. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thị K về Tội vận chuyển, lưu hành tiền giả theo khoản 2 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị K thuộc trường hợp nghiêm trọng, phạm tội vì mục đích kinh tế, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự xã hội, làm rối loạn thị trường, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc vận chuyển, lưu hành tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân, muốn có thu nhập không qua lao động chính đáng nên bị cáo vẫn thực hiện; do đó, cần phải xử phạt bị cáo với mức án tù nghiêm như ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hết sức cần thiết, để giáo dục răn đe phòng ngừa chung.

[5] Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo Nguyễn Thị K, ngoài đánh giá về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cần xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị K trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết định khung hình phạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự mình nhận tội và khai ra những lần phạm tội khác của bản thân thực hiện việc mua tiền giả với người đàn ông tên Dìn khi hành vi phạm tội của bị cáo chưa bị phát hiện; đồng thời hiện bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe yếu do bệnh tật. Do đó, cũng nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ phần nào hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, giúp bị cáo yên tâm cải tạo tốt mau chóng trở lại cộng đồng và như vậy, có căn cứ để xử phạt bị cáo với mức án thấp mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo Nguyễn Thị K không có tài sản để đảm bảo việc thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Trong vụ án còn có đối tượng khác, nhưng không thể điều tra, xác minh làm rõ vì ngoài vùng lãnh thổ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét xử lý trong vụ án.

[10] Do bị cáo Nguyễn Thị K bị kết án có tội nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 180; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999

1- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội Vận chuyển, lưu hành tiền giả

2- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03-7-2018.

3- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị K.

II. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị K phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2018).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; tòa hình sự; HCTP;
- KTNV & THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn

